KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ 2 - NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Toán, Lớp 11 – Kết nối tri thức

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			*Đúng - Sai*			*Trả lời ngắn*									
			Biết	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**	
1	**Chương VI. HÀM SỐ MŨ VÀ HÀM SỐ LOGARIT**	§18.Lũy thừa với số mũa thực	1												1			2,5
		§19. Lôgarit	1	1		1				1					2	2		12.5
		§20. Hàm số mũ và hàm số lôgarit	1							1					1	1		7.5
		§21.Phương trình , bất phương trình mũ và lôgarit	1			2	1							1	3	1	1	20
2	**Chương VII. QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONH KHÔNG GIAN**	§22. Hai đường thẳng vuông góc	1				1								1	1		5
		§23. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	1			1	1				1				2	1	1	12.5
		§24.Phép chiếu vuông góc. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng	2												2			5

		§25. Hai mặt phẳng vuông góc	1			1							1		2	1		15
		§26. Khoảng cách	1								1				1		1	7,5
		§27.Thể tích	1											1	1		1	12,5
Tổng số câu			11	1		5	3			2	2		1	2	16	7	4	27
Tổng số điểm			**2,75**	**0,25**		**1,25**	**0.75**			**1**	**1**		**1**	**2**				**10**
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	

BẢN ĐẶC TẢ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ 2 - NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn: Toán, Lớp 11 – Kết nối tri thức

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đặt	Mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			*Đúng - Sai*			*Trả lời ngắn*					
				Biết	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**	**Biết**	**Hiểu**	**VD**
1	**Chương VI. HÀM SỐ MŨ VÀ HÀM SỐ LOGARIT**	§18.Lũy thừa với số mũa thực	– Nhận biết được khái niệm luỹ thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0; luỹ thừa với số mũ hữu tỉ và luỹ thừa với số mũ thực của một số thực dương.	1 TD											
		§19. Lôgarit	– Nhận biết được khái niệm lôgarit cơ số a (a > 0, a khác 1) của một số thực dương. – Giải thích được các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó. – Sử dụng được tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).	2 TD	3 TD		1a TD				1 GQVĐ				
		§20. Hàm số mũ và hàm số lôgarit	– Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit. Nêu được một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số lôgarit. – Nhận dạng được đồ thị của các hàm số mũ, hàm số lôgarit. – Giải thích được các tính chất của hàm số mũ, hàm số lôgarit thông qua đồ thị của chúng.	4 TD							2 GQVĐ				
		§21.Phương trình , bất	– Giải được phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit ở dạng	5			1b,1c	1d							1

		phương trình mũ và lôgarit	đơn giản. – Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit (ví dụ: bài toán liên quan đến độ pH, độ rung chấn,...).	TD			TD	GQVĐ							MHH
2	**Chương VII. QUAN HỆ VUÔNG GÓC TRONH KHÔNG GIAN**	§22. Hai đường thẳng vuông góc	– Nhận biết được khái niệm góc giữa hai đường thẳng trong không gian. – Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian. – Chứng minh được hai đường thẳng vuông góc trong không gian trong một số trường hợp đơn giản.	6 TD				2c GQVĐ							
		§23. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng	– Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. – Xác định được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. – Giải thích được được định lí ba đường vuông góc. – Giải thích được được mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng. – Nhận biết được khái niệm phép chiếu vuông góc. – Xác định được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. – Nhận biết được công thức tính thể tích của hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp. – Tính được thể tích của hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp trong những trường hợp đơn giản	7 TD			2a TD	2d GQVĐ				3 MHH			

			(ví dụ: nhận biết được đường cao và diện tích mặt đáy của hình chóp). – Vận dụng được kiến thức về đường thẳng vuông góc với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.												
		§24.Phép chiếu vuông góc. Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng	– Nhận biết được khái niệm góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. – Xác định và tính được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: đã biết hình chiếu vuông góc của đường thẳng lên mặt phẳng). – Nhận biết được khái niệm góc nhị diện, góc phẳng nhị diện.	8,9 TD												
		§25. Hai mặt phẳng vuông góc	– Nhận biết được hai mặt phẳng vuông góc trong không gian. – Xác định được điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc. – Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng vuông góc. – Giải thích được tính chất cơ bản của hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình chóp đều.	10 TD			2b TD							2 GQVĐ	
		§26. Khoảng cách	– Xác định được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng; khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng; khoảng cách giữa hai đường thẳng song song; khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song; khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song trong những trường hợp đơn giản. – Nhận biết được đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau; tính được khoảng	11 TD								4 GQVĐ			

			cách giữa hai đường thẳng chéo nhau trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: có một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng chứa đường thẳng còn lại). – Sử dụng được kiến thức về khoảng cách trong không gian để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.													
		§27.Thể tích	– Nhận biết được hình chóp cụt đều. – Tính được thể tích khối chóp cụt đều. – Vận dụng được kiến thức về hình chóp cụt đều để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.	12 TD												3 GQ VĐ
Tổng số câu				11	1		5	3			2	2		1	2	
Tổng số điểm				**2,75**	**0,25**		**1,25**	**0.75**			**1**	**1**		**1**	**2**	
Tỉ lệ %				30			20			20			30			